

## KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN CAO HỌC

Ngành: CÔNG NGHỆ SINH HỌC K32

Mã môn học: MSH123 Khóa: \_\_\_\_\_  
 Tên môn học: HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT DỊCH VỤ Số tiết: 45  
 Ngày thi: 8 giờ 00 ngày 15/10/2023 Phòng thi: E402  
 Giảng viên phụ trách môn học: TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG  
 Cán bộ coi thi: \_\_\_\_\_

(\* Diểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10

STT	Mã số học viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
							Giữa kỳ (50%)	Cuối kỳ (50%)	Điểm TB
1	22C67048	Đinh Hoàng Phương Uyên	10/02/2000	TP.HCM			9.5	5.5	7.5
2	22C67001	Nguyễn Thị Kim Chi	18/10/1998	TP.HCM			9.5	6	7.8
3	22C67002	Hồ Thị Mỹ Duyên	30/10/1997	Long An			9.5	7.5	8.5
4	22C67003	Trương Thị Mỹ Hằng	03/12/1996	Trà Vinh			9.5	5	7.3
5	22C67004	Nguyễn Thanh Hiếu	21/11/1996	Đồng Nai			9	4.5	6.9
6	22C67005	Nguyễn Mạnh Hùng	14/01/1999	Ninh Bình			9.5	6	7.8
7	22C67008	Cao Xuân Minh	12/09/1995	Quảng Nam			9	6	7.5
8	22C67009	Nguyễn Hữu Nghĩa	17/08/1999	TP.HCM			9	5.5	7.3
9	22C67011	Trần Thị Quỳnh Như	07/11/1997	TP.HCM			9.5	5	7.3
10	22C67012	Lê Thùy Quyên	13/08/1991	Đồng Tháp			9	7.5	8.3
11	22C67013	Nguyễn Đoàn Nhật Quỳnh	18/02/1999	Quảng Nam			9	6	7.5
12	22C67014	Nguyễn Hoàng Thúy Tiên	18/03/1997	Sóc Trăng			9	5	7
13	22C67015	Trần Lê Cẩm Tú	02/07/1997	TP.HCM					
14	22C67016	Nguyễn Trần Hạnh Vy	22/04/1997	TP.HCM			9	6	7.5
15	22C67018	Lê Thị Cẩm Bích	27/09/1998	Quảng Ngãi			9	6	7.5
16	22C67019	Trần Quang Ngọc Dũng	15/01/1997	Cà Mau			9	5	7
17	22C67020	Hồ Hữu Duy	03/10/2000	Bình Dương			9	4.5	6.8
18	22C67022	Võ Thị Tài Hậu	02/10/1999	Đắk Lắk			9.5	5	7.3
19	22C67023	Trần Thị Hiếu	26/03/1999	TP.HCM			9.5	5.5	7.5
20	22C67025	Nguyễn Phi Hùng	23/12/1997	Long An			9	6	7.5
21	22C67026	Lê Mỹ Linh	18/06/2000	Vĩnh Long			9.5	5.5	7.5
22	22C67028	Hồ Linh Kiều Nhi	20/11/1999	Đồng Nai			9	6	7.5
23	22C67029	Nguyễn Thị Huỳnh Như	15/02/1997	Bến Tre			9.5	5	7.3
24	22C67030	Nguyễn Hồng Phúc	23/07/1996	Long An			9	5	7
25	22C67031	Đỗ Thị Phượng	23/12/1989	Long An			9	4	6.5
26	22C67033	Nguyễn Ngọc Mỹ Quỳnh	13/05/1995	TP.HCM			9.5	5	7.3

STT	Mã số học viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
								Giữa kỳ (50%)	Cuối kỳ (50%)	Điểm TB
27	22C67035	Nguyễn Thị Minh	Thư	17/12/1999	Nha Trang			9.5	7	8.3
28	22C67037	Lý Lan	Trinh	27/08/1999	Tây Ninh			9	6	7.5
29	22C67038	Nguyễn Thị Phương	Uyên	14/03/1999	BR-VT			9.5	7.5	8.5
30	22C67039	Đặng Anh	Việt	04/06/1997	Cần Thơ			9.5	6.5	8
31	22C67043	Phạm Thị Phương	Liên	23/02/2001	Bình Định			9.5	7	8.3
32	22C67044	Nguyễn Lưu Thảo	Uyên	07/11/2000	An Giang			9.5	9.5	7
33	22C67045	Đỗ Lan	Nhật	20/07/2001	TP.HCM			9.5	7	8.3
34	22C67046	Nguyễn Bá	Nhiệt	04/08/2000	Hà Nội			9.5	7.5	8.5
35	22C67047	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/01/2001	Đắk Lắk			9.5	5.5	7.5
36	22C67049	Đoàn Thế Quang	Vinh	23/11/2001	BR-VT			9.5	VP	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2023  
Cán bộ chấm thi

Nguyễn Tiến Dũng